

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/11/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiu và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2025, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 28/4/1984.

HKTT: Thôn Lai Hà, xã Gia Phúc, thành phố Hải Phòng.

Hiện ở: Thôn Quý Dương, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030184001773 do Bộ C cấp ngày 15/01/2025

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 09/01/1979.

Địa chỉ: Thôn L, xã G, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030079020731 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 10/8/2021.

(Chị N, anh P đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã M, thành phố Hải Phòng) ngày 18/10/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì chị đi nước ngoài, trong thời gian chị ở nước ngoài, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh P nghi ngờ chị không chung thủy dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tháng 01/2025 chị về Việt Nam, vợ chồng tuy chung sống cùng nhau

nhưng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 7/2025 chị về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 25/9/2013. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, cháu phát triển khoẻ mạnh, ly hôn chị không đề nghị Toà án giải quyết. Cháu K đang sinh sống cùng bố, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đồng/tháng. Trường hợp anh P có nguyện vọng được nuôi con chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh P có nhà 02 tầng xây trên đất của bố mẹ chồng, hiện anh P và các con đang sinh sống trên đó, anh chị không có nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian dài. Do kinh tế khó khăn, năm 2017 chị N đã đi nước ngoài, trong thời gian chị N ở nước ngoài vợ chồng sống thường xuyên liên lạc. Đầu tháng 01/2025 chị N về Việt Nam, anh đã phát hiện chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác ở Nghệ An, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 9/2025 chị N đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N có đơn ly hôn anh đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 25/9/2013. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất, ly hôn anh không đề nghị Toà án giải quyết. Cháu K đang sinh sống cùng anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có, ly hôn không đề nghị Toà án giải quyết.

- Cháu Nguyễn Đức K là con trai của anh P, chị N xác định: Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố là Nguyễn Văn P.

Do điều kiện công việc chị N, anh P đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh P. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức K, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn P, bị đơn có Hộ khẩu thường trú tại: thôn L, xã G, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

[1.1]. Quá trình giải quyết vụ án chị N, anh P có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở được tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã M, thành phố Hải Phòng) ngày 18/10/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P nghi ngờ chị N ngoại tình, nên vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 7/2025 vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau, nay chị N có đơn ly hôn anh P cũng đồng ý. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh P để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 15/8/2006 và Nguyễn Đức K, sinh ngày 25/9/2013. Hiện nay cháu Đ đã trưởng thành và phát triển bình thường nên khi giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu K đang sinh sống

cùng anh P và có nguyện vọng xin được ở với bố, ly hôn anh P có nguyện vọng được nuôi con, chị N cũng đồng ý. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX cần tiếp tục giao cháu K cho anh P nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về... án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức K, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E, số 0003569 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng.
(Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng)
- UBND xã Mao Điền, TP Hải Phòng.
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

